

MỘT VÀI NÉT NGHỆ THUẬT KIẾN TRÚC ĐIÊU KHẮC

DÂN GIAN HẢI PHÒNG

Phần II (Tiếp theo và hết)

Vũ Thị Thơm

Nguyên trưởng phòng nghiên cứu- TTKHXH&NVHP

II. Điêu khắc

Điêu khắc là phần không thể thiếu trong kiến trúc đình chùa, đền, miếu, làm tôn thêm vẻ đẹp của công trình, che lấp phần khiếm khuyết ngoài ý muốn. Điêu khắc được thể hiện dưới nhiều dáng vẻ khác nhau. Đó là những mảng điêu khắc được trình bày trên bộ khung của công trình hoặc trên từng bộ phận riêng lẻ: Chuông, khánh, hoành phi, câu đối, bia...; trên các loại vật liệu khác nhau: gỗ, đá, đồng. Việt Nam nói chung, Hải Phòng nói riêng gỗ luôn là vật liệu chủ đạo để người thợ thủ công thể hiện sự tài hoa, khéo léo của mình trong từng hiện vật cũng như toàn bộ công trình.

1. Điêu khắc gỗ: Gỗ là loại vật liệu mềm, dễ chạm, khắc. Chỉ cần một vài dụng cụ như đục, chày,... là người thợ có thể biến những mảnh gỗ vô tri vô giác thành muôn vàn tác phẩm nghệ thuật, từ cỏ cây, hoa lá đến muông thú. Chạm khắc thể hiện nhiều nhất trên các đầu dư, vì kèo, bẩy... và các bức chạm đơn lẻ như hoành phi, câu đối, cửa võng, đại tự, quốc thư cho đến các đồ thờ tự: Tượng, kiệu long ngai, bài vị... Tuy nhiên nghệ thuật điêu khắc dân gian được thể hiện trong từng loại hình kiến trúc không giống nhau. Nếu chùa là nơi tập trung của nghệ thuật điêu khắc tượng thì đình là nơi thể hiện sự khéo léo tài hoa của người thợ thủ công qua những bức chạm cỏ cây, hoa lá, muông thú... Đến thăm đình làng không chỉ để tỏ lòng thành kính trước công lao của các tiền nhân mà còn chiêm ngưỡng những tác phẩm điêu khắc tuyệt đẹp trên các đầu dư, đòn bẩy, đại tự, cuốn thư... Nhìn chung, nghệ thuật điêu khắc Hải Phòng không vượt ngoài phạm vi nghệ thuật điêu khắc vùng đồng bằng Bắc Bộ. Từ thế kỷ 16 đến thế kỷ 17, nghệ thuật điêu khắc dân gian thể hiện qua kỹ thuật chạm bong, chạm lõng, chạm bong kênh hay kết hợp chạm nổi với gắn chắp như bong kênh tạo nên những lớp chồng chéo, phức tạp. Sang thế kỷ 18, những cảnh sinh hoạt dân gian ít dần và thay vào đó là đề tài hoa, lá và bộ tứ linh: long, ly, qui, phượng với kỹ thuật nuốt nà, khéo léo. Tuy nhiên sự khác nhau không chỉ thể hiện qua mỗi giai đoạn lịch sử mà còn thể hiện trong cùng một thời điểm thậm chí trong cùng một ngôi đình. Điều này có

thể do việc hoàn tất một công trình không phải thể một tốp thợ mà nhiều tốp thợ. Tính không đồng nhất tạo nên sự sinh động cho mỗi công trình kiến trúc.

Điều khắc đình: Trước hết sự thể hiện điều khắc ở mỗi đình không giống nhau. Có đình trang trí nhiều như đình Hàng Kênh, Dư Hàng, Kiền Bái, miếu Nam; có đình trang trí ít như đình Dụ Nghĩa. Cũng có đình tuy trang trí không nhiều nhưng lại cầu kỳ, tỉ mỉ mang phong cách truyền thống như đình Vĩnh Khê, Từ Lâm. Nói đến điều khắc đình Hải Phòng không thể bỏ qua đình Kiền Bái. Đây là một trong số những ngôi đình có niên đại tuyệt đối chính xác (1685) với nghệ thuật điêu khắc dân gian thể hiện sự mong muốn công bằng xã hội thông qua những bức chạm trang trí: lưỡng long châu người, lưỡng long châu lợn, người cười phượng trong tư thế bay lên.

Hình tượng Rồng: Là con vật chủ đạo trong các mảng trang trí nhưng mức độ thể hiện ở mỗi đình, chùa có khác nhau. Có đình hình tượng rồng thể hiện ít, có đình hình tượng rồng được thể hiện hầu hết trong các bộ phận kiến trúc như đình Quán Khải (Vĩnh Bảo). Ở đây rồng được trang trí trên bờ nóc mái, đầu dư của bộ khung chịu lực, trên các mảng trang trí đơn lẻ trong nhiều tư thế khác nhau: độc long, long cuốn thủy, hoa lá hóa long, với bút pháp cách điệu đầy tính sáng tạo. Một ví dụ khác là đình Hàng Kênh và đình Dư Hàng: về tổng thể đình Dư Hàng được mô phỏng hoàn toàn theo đình Hàng Kênh về kích thước, kiểu dáng và bài trí đồ thờ tự nhưng nghệ thuật điêu khắc là sự thể hiện tài năng sáng tạo của người thợ thủ công thế kỷ 19.

Khi dựng đình, các làng thường chọn hai tốp thợ để đôi bên thi tài. Vì thế trong mỗi công trình kiến trúc, cách thể hiện trong nghệ thuật điêu khắc cũng có sự khác nhau. Ở đình Lễ Hợp (Tam Đa, Vĩnh Bảo) trên 6 cặp đầu dư được thể hiện hình rồng cách điệu có đủ râu tóc, mắt lồi, lưỡi đê viên ngọc nhỏ nhưng đầu dư mé hồi tả rồng có bộ râu tóc kiểu làn sóng, râu cong xoắn hình số 8 trong khi mé hồi hữu rồng có làn đao, tóc hơi thẳng bay song song, đầu nhọn hình lưỡi mác như nhắc lại phong cách mỹ thuật thế kỷ 18. Bên cạnh hình tượng rồng là những linh vật khác như qui, phượng, hươu, lân được thể hiện phong phú, sinh động xen lẫn với những bức chạm cỏ cây, hoa lá.

Các loài hoa quý: Cúc, trúc, mai, lan... và cỏ cây muông thú thường gặp trong đời sống thường nhật: chó, lợn, mèo voi... cũng được thể hiện trên các mảng trang trí. Nhưng phong phú, đa dạng hơn cả vẫn là các bức chạm miêu tả đời sống sinh hoạt của người dân. Có lẽ những người thợ thủ công xuất thân là nông dân nên khi thể hiện những đề tài trang trí họ đưa vào cảnh sinh hoạt quen thuộc của quê hương vì vậy đề tài này luôn hấp dẫn người xem mọi thời đại (đình Kiền Bái). Bên cạnh đó là những bức chạm tả cảnh thiên

nhiên: hoa nở mùa xuân, tranh tứ bình (đình Quán Khái); hoặc đề tài phúc, lộc, thọ (miếu Thủy Tú- Thủy Nguyên). Nhìn chung từ thế kỷ 16,17 là thời kỳ điêu khắc đình làng mang đậm nghệ thuật dân gian, khắc họa đời sống thường nhật với hình ảnh quen thuộc. Sang thế kỷ 18,19, hình thức nghệ thuật này hầu như không còn nữa thay vào đó là những trang trí hình hoa lá, bộ tứ linh. Trải qua thời gian, chiến tranh những bức chạm hư dần theo năm tháng nên nghệ thuật điêu khắc trong kiến trúc đình chùa... Hải Phòng phần đa mang phong cách thời Nguyễn. Ở giai đoạn này chạm khắc chủ yếu tập trung vào cửa võng, trước điện thờ (đình Cựu Đồi - Tiên Lãng; chùa Mét - Vĩnh Bảo). Tuy nhiên cũng có những đình như Hàng Kênh (500 bức chạm), đình Dư Hàng (hơn 200 bức) không chỉ trang trí ở cửa võng mà trang trí trên hầu khắp các đầu dư, vì kèo.

Điêu khắc trên các đồ tế tự: nhang án, kiểu long đình, bệ tượng là những di vật mang tính linh thiêng nên sau khi được thực hiện bằng các kỹ thuật chạm nổi, chạm thủng, chạm lõng cầu kỳ, tinh tế được sơn son thếp vàng rực rỡ. Nhiều đình còn giữ được những đồ tế tự quý lâu đời như hương án đình Lôi Động, miếu Hạ Lũng; khám kiểu “chân quỳ, dạ cá” đình Dụ Nghĩa; kiểu bát cống miếu Cựu Điện, đền An Lữ, đền Trinh Hưởng là những cỗ kiệu được trang trí cầu kỳ, tinh xảo; riêng cỗ kiệu thất công miếu Nam được coi là “độc nhất vô nhị” vì các kiệu ở Hải Phòng chủ yếu là kiểu bát cống. Cỗ kiệu này dài 4 m, mang phong cách nghệ thuật Nguyễn cuối thế kỷ 19. Hai cỗ kiệu đặc tả rồng trong tư thế bay giữa áng mây cụm song song từng đôi một.

Điêu khắc chùa: Tuy không được thể hiện nhiều như điêu khắc đình nhưng lại tập trung vào hệ thống tượng. Có thể coi mỗi chùa là một bảo tàng về nghệ thuật tượng tròn. Tượng là sản phẩm nổi bật nhất của nghề chạm gỗ. Tượng được làm bằng nhiều loại vật liệu: gỗ, đá, đất. Trong các đình, chùa, miếu của Hải Phòng số lượng tượng đá ít hơn số lượng tượng gỗ. Các tượng phần lớn không rõ niên đại, điều này cũng giống như bản thân các công trình kiến trúc. Nhìn chung ở Việt Nam tượng Phật được làm vào thời Lý mới chỉ được tìm thấy 2 pho và 10 tượng linh vật. Đến thời Trần và Lê sơ số tượng cũng không nhiều nhưng đến thời Mạc thì có sự thay đổi về số lượng, mỹ thuật và trên cả bình diện xã hội. Tượng thời Mạc đẹp, mang tính nhân bản sâu sắc và gần với người thật. Trong mỗi pho tượng hầu như chứa đầy sức sống, trong sáng, nhân hậu không nét xa cách và trở thành khuôn mẫu cho tượng thời sau.

Trên điện thờ các chùa là tượng Tam thế (quá khứ, hiện tại, tương lai), Quan Âm Bồ Tát trong thế cứu độ chúng sinh, tượng Ngọc Hoàng, tượng vua

chúa, hoàng hậu, công chúa... đã nói lên sự phát triển mạnh của điêu khắc tượng thời Mạc. Trong hệ thống tượng pháp phải kể tới tượng Quan Âm Nam Hải, vị thần được coi là thần hộ mệnh trong các chuyến đi biển của cư dân miền biển.

Tượng được thể hiện ở nhiều tư thế, kích cỡ không giống nhau, niên đại khác nhau. Pho tượng cổ được coi là có niên đại sớm nhất (thế kỷ 16) ở Hải Phòng là pho “Quan âm thiên thủ thiên nhãn” ở chùa Thiểm Tây (Thủy Nguyên). Đây là pho tượng đẹp và là một trong những pho tượng có niên đại sớm được tìm thấy ở Việt Nam. Một số chùa còn bảo lưu được số lượng tượng khá lớn như chùa Mỹ Cự, chùa Dư Hàng, chùa Vẽ... Bên cạnh tượng Phật là tượng vua chúa, hoàng hậu. Đáng tiếc là tượng vua chúa Mạc không còn lại là bao sau khi nhà Mạc bị nhà Lê thôn tính. Riêng tượng Ngô Vương, Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn được tạc và thờ ở nhiều xã thuộc Hải Phòng. Tượng vua chúa thường được tạc trong tư thế uy nghiêm của một vị đế vương.

2. Điêu khắc đá

Nghề đá ở Hải Phòng có lịch sử lâu đời. Từ người Cái Bèo đến người Tràng Kênh là một bước tiến lớn về kỹ thuật chế tác đá. Đến thời Đông Sơn nghề làm đá tuy không còn hưng thịnh như trước và phát triển lúc thịnh lúc suy, biến đổi tùy theo yêu cầu từng thời kỳ nhưng vẫn tồn tại cho đến tận ngày nay. Điêu khắc đá nhìn chung không nhiều, chủ yếu tập trung ở văn bia sau đến tượng và một số bộ phận khác trong tổng thể kiến trúc. Trong kiến trúc đình, chùa Việt Nam nói chung, Hải Phòng nói riêng đá được sử dụng chủ yếu ở bộ phận kê chân cột. Đá kê có hình tròn hoặc trên tròn dưới vuông tượng trưng cho trời - đất. Kích thước của đá kê to hay nhỏ phụ thuộc vào kích thước công trình. Đình lớn như Đông Lý (Thủy Nguyên) phần cột kê đá tảng có chu vi tới 1,6m. Tuy nhiên trong số các đình chùa Hải Phòng không nơi nào có sự kết hợp hài hòa giữa hai yếu tố gỗ - đá như đình An Quý (Vĩnh Bảo). Ngoài ra phải kể đến đền Bì (Tiên Lãng), đây là ngôi đền đá lộ thiên duy nhất của thành phố và hiếm thấy ở vùng đồng bằng Bắc Bộ.

Bia đá: là vật liệu duy nhất để tạo bia. Lệ dựng bia ở Việt Nam có từ sớm (thế kỷ 7) và phát triển mạnh vào thời phong kiến tự chủ. Tuy vậy những tấm bia còn ở Hải Phòng niên đại sớm nhất vào thế kỷ 15 (từ Vũ Hàng Kênh). Mục đích của dựng bia là ghi lại sự kiện xây chùa, dựng đình, làm cầu quán, xây văn chỉ, từ đường... Trên mỗi tấm bia đều có ghi niên đại, những lần trùng tu, sửa chữa các công trình nhờ đó mà người đời sau có thể biết được đây là công trình lần đầu xây hay dựng trên nền công trình cũ. Vì vậy văn bia

là nguồn sử liệu quan trọng cung cấp thông tin cho việc nghiên cứu một vấn đề hoặc lịch sử địa phương, thậm chí một triều đại. Ngoài ra trên bia còn thể hiện nghệ thuật điêu khắc của từng thời kỳ. Dựa vào những tấm bia được khắc tên, quê quán của người thợ mà chúng ta biết được những vùng có nhiều thợ chạm đá, Gia Đức (Thủy Nguyên) là một trong những khu vực ấy.

Đá và thợ khắc đá: Nguồn nguyên liệu để làm bia ở Hải Phòng chủ yếu lấy từ Kính Chủ (Hải Dương) và An Hoạch (Đông Sơn, Thanh Hóa). Thời nhà Mạc, đất từ Thanh Hóa trở vào thuộc quyền kiểm soát của nhà Lê nên bia Mạc được làm bằng đá Kính Chủ. Thợ khắc đá gồm hai nguồn chính là thợ chuyên nghiệp và thợ địa phương. Thợ địa phương làm bia Mạc chủ yếu là các thợ phường Kính Chủ, Hồng Lai, Liễu Tràng (Hải Dương) và thợ Thủy Đường (Hải Phòng)

Chạm bia gồm hai phần: chữ và họa tiết vì vậy chạm bia đòi hỏi thợ khắc đá ngoài tay nghề giỏi còn phải biết chữ. Do chất liệu làm bia là đá nên hầu hết đình, chùa, đền, miếu ở Hải Phòng đều còn lưu giữ. Đây là nguồn sử liệu phong phú và vô giá. Một số bia ký ở các chùa Trịnh Xá, Đông Quan, Nhân Trai, chùa Trà Phương, đình Nhân Mục còn lưu giữ những tấm bia được chạm khắc với đường nét tinh xảo, hoa văn phong phú tuyệt đẹp. Những tấm bia này không chỉ là các văn tự quý giá mà còn là một bảo tàng chạm khắc rồng của lịch sử mỹ thuật Việt Nam. Ngoài ra Từ Vũ - đình Hàng Kênh (nằm trong khuôn viên đình) còn giữ được 5 tấm bia nguyên vẹn, chữ viết đẹp trang trí hoa văn rồng, phượng, hoa cúc, mặt trời... nét khắc tinh xảo, là những tấm bia tiên hiện đẹp nhất của Hải Phòng được lưu lại đến nay.

Tượng đá: Hải Phòng thế kỷ 16 là thời kỳ để lại nhiều pho tượng đá có giá trị nghệ thuật cao, giống như tượng gỗ, tượng đá cũng không có niên đại. Tuy nhiên có những trường hợp ngoại lệ như pho tượng Vua Mạc (chùa Hưng Khánh, Trung Hành). Phía sau tượng khắc dòng chữ “Quý Mùi niên, Trung Hành xã, Phù Đông hầu tạo, Kính Chủ xã, ngũ nhân tạo” (tượng được làm vào năm Quý Mùi, 1583, do ông Phù Đông hầu, xã Trung Hành, tổ chức làm. Tác tượng là 5 người thợ xã Kính Chủ). Ngoài ra một số chùa thuộc Kiến Thụy như chùa Văn Hòa, Trà Phương, Nhân Trai còn lưu giữ những pho tượng thờ vua chúa nhà Mạc hay tượng phật (chùa Trúc - Thủy Nguyên). Nhìn chung đá không phải là vật liệu phổ biến để chế tác tượng mặc dù ở Hải Phòng không hiếm. Có lẽ việc khai thác cũng như kỹ thuật chế tác đá khó hơn, cần nhiều công sức hơn nên các nghệ nhân xưa đã chọn giải pháp tối ưu là gỗ. Tuy nhiên loại vật liệu này độ bền kém nên đến nay các số lượng tượng thời Lê sơ và giai đoạn trước ở Hải Phòng hầu như không còn.

Ngoài bia, tượng đá còn có thạch trụ đài, rồng đá... cũng xuất hiện ở một số đền chùa ở Hải Phòng như thạch trụ đài chùa Mai Động (Thủy Nguyên), chùa Lạng Côn (Đông Phương - Đồ Sơn), Rồng đá chùa Nhân Trai; Sập đá, Khánh đá đền Nghè...

3. Điều khắc đồng

Đồng là nguyên liệu quý hiếm nên không phải ai cũng có thể sở hữu nhưng trong đình chùa thì khác hẳn. Vì là công trình tôn giáo nên người xưa dành cho nơi đây những đồ cúng tế có giá trị như lư hương, đỉnh đồng, chân đèn và đặc biệt là chuông. Ngôi chùa làng không thể thiếu vắng tiếng chuông. Nhiều chùa còn lưu giữ những quả chuông lớn hoặc chuông có chạm khắc hoa văn tinh tế như chùa Phù Lưu (Thủy Nguyên), chùa Nguyệt Quang, chùa Hạ Đoạn. Trên mỗi quả chuông đều có khắc bài minh và niên đại. Đây là nguồn sử liệu quý giá góp phần nghiên cứu lịch sử địa phương và kỹ thuật đúc đồng truyền thống.

Nhìn chung, qua việc hệ thống các di tích danh thắng được xếp hạng, qua các đợt khảo sát điền dã chúng tôi có cái nhìn tương đối khái quát về nghệ thuật điêu khắc, kiến trúc dân gian Hải Phòng và bước đầu đưa ra một số nhận xét sau:

Các công trình kiến trúc, điêu khắc thành phố về cơ bản không vượt ra ngoài phong cách kiến trúc Việt Nam từ chọn thế đất, bố cục, kiểu dáng, chất liệu. Tuy nhiên trong đó nổi lên một số công trình đặc sắc như tháp Tường Long; đình Kiền Bái, đình Hàng Kênh.

Với vị trí là cảng cửa khẩu lớn nhất và quan trọng nhất miền Bắc, Hải Phòng trở thành một trong những vùng thu hút lượng người nhập cư trong và ngoài nước, tạo nên sự giao thoa văn hóa phong phú và đa dạng hơn. Trong chiến lược phát triển kinh tế - chính trị, văn hóa - xã hội hiện đại, Hải Phòng có tiềm năng to lớn về nguồn văn hóa dân gian: những làng nghề thủ công truyền thống, trong đó có những nghề đã trở nên nổi tiếng như nghề dệt Cổ Am, nghề mộc Linh Động; những di tích lịch sử văn hóa đã xếp hạng; những lễ hội tiêu biểu như hội Chọi trâu Đồ Sơn, hội Mở mắt Thủy Nguyên... là lợi thế để khai thác và phát triển ngành du lịch, hướng tới chuyển đổi cơ cấu kinh tế, mang lại nguồn lợi to lớn cho công cuộc phát triển và xây dựng thành phố.

Như mọi người đều biết, tìm hiểu văn hóa dân gian dù dưới góc độ nào xét cho cùng là tìm về với cội nguồn, tìm hiểu quá khứ, phát huy nội lực, vượt qua thử thách, vững bước trên con đường giao lưu và hội nhập./.

